

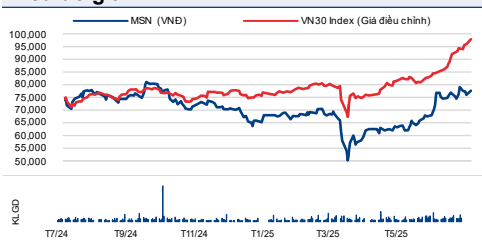
Mua vào

Giá mục tiêu: VNĐ80,700
Tiềm năng tăng/giảm: 4.0%

Giá cổ phiếu (đồng) (28/7/2025)	77,600
Mã Bloomberg	MSN VN
Giá cao/thấp 52 tuần (đ)	50,300-81,100
GTGD (bq 5 phiên) (tr.đ)	76,467
Vốn hóa thị trường (tỷ đ)	117,403
Vốn hóa trị trường (tr.USD)	4,479
Slg CP lưu hành (tr.đv)	1,513
Slg CP NN được sở hữu (tr.đv)	741
Slg CP NN được mua (tr.đv)	373
Giới hạn tỷ lệ sở hữu NN	49.0%
Tỷ lệ sở hữu của NN	24.3%
Tỷ lệ freefloat	48.2%
Cổ đông lớn	ông ty cổ phần Masan (24.4%)

Nguồn: Công ty, Ước tính của HSC

Biểu đồ giá



Nguồn: Công ty, FactSet

Tóm tắt tài chính và định giá

Cuối năm: Thg12	12-24A	12-25F	12-26F
DT thuần (tỷ đồng)	83,178	82,494	92,409
EBITDA đc (tỷ đồng)	10,306	10,535	11,975
LN TT (tỷ đồng)	6,025	6,882	9,062
LNT ĐC (tỷ đồng)	1,999	2,498	3,904
FCF (tỷ đồng)	6,426	(10,251)	(11,065)
EPS ĐC (đồng)	1,345	1,651	2,581
DPS (đồng)	-	-	-
BVPS (đồng)	19,989	21,641	24,221
T.trưởng EBITDA (%)	25.9	2.22	13.7
T.trưởng EPS ĐC (%)	358	22.8	56.3
Tăng trưởng DPS (%)	-	-	-
Tỷ suất EBITDA ĐC (%)	12.4	12.8	13.0
Tỷ suất LN TT (%)	7.24	8.34	9.81
Tỷ suất LNT ĐC (%)	2.40	3.03	4.22
Tỷ lệ LN trả CT (%)	-	-	-
Nợ thuần/VCSH (%)	156	149	128
ROAE (%)	7.04	7.93	11.3
ROACE (%)	6.64	7.38	8.10
EV/doanh thu (lần)	1.98	2.01	1.78
EV/EBITDA ĐC (lần)	15.9	15.7	13.7
P/E ĐC (lần)	57.7	47.0	30.1
P/B (lần)	3.88	3.59	3.20
Lợi suất cổ tức (%)	-	-	-

Nguồn: Bloomberg, HSC ước tính

Mô tả doanh nghiệp

Masan thông qua các công ty con và công ty liên kết hoạt động trong lĩnh vực bán lẻ, sản phẩm tiêu dùng nhanh có thương hiệu, thịt mát có thương hiệu, nguyên liệu cơ bản và dịch vụ tài chính.

Chuyên viên phân tích

Trần Hương Mỹ
Giám Đốc, Ngành Hàng Tiêu Dùng
my.th@hsc.com.vn
+84 28 3823 3299 Ext. 362

Q2/2025: Lợi nhuận tăng 40% so với cùng kỳ – vượt mạnh dự báo

- MSN công bố KQKD Q2/2025 tích cực, vượt dự báo của HSC. Lợi nhuận thuần tăng 40% so với cùng kỳ đạt 1.032 tỷ đồng, vượt 47% so với dự báo của chúng tôi, mặc dù doanh thu thuần giảm 9%.
- Kết quả khả quan chủ yếu đến từ sự cải thiện lợi nhuận tại các công ty thành viên MML, WCM và MHT, trong khi lợi nhuận thuần tại MCH giảm mạnh do gián đoạn kênh bán hàng truyền thống.
- Sau khi giá cổ phiếu tăng 24% trong 3 tháng qua, MSN đang giao dịch với P/E trượt dự phòng 1 năm là 30,7 lần, thấp hơn 0,7 độ lệch chuẩn so với bình quân từ năm 2020 ở mức 75,1 lần. HSC đang xem xét lại khuyến nghị và giá mục tiêu đối với MSN.

Sự kiện: Công bố KQKD Q2/2025

KQKD hợp nhất Q2/2025 của MSN rất tích cực và vượt dự báo của HSC. Mặc dù doanh thu thuần giảm 9% so với cùng kỳ, xuống 18.315 tỷ đồng do doanh thu của CTCP Hàng tiêu dùng Masan (MCH; Mua vào, giá mục tiêu 154.900đ, MSN sở hữu 66% cổ phần) và CTCP Masan High Tech Materials (MHT; MSN sở hữu 94,9% cổ phần, chưa khuyến nghị) giảm, lợi nhuận thuần vẫn tăng mạnh 40% so với cùng kỳ (tăng 161% so với quý trước), đạt 1.032 tỷ đồng, vượt 47% so với dự báo của HSC (700 tỷ đồng).

Động lực tăng trưởng lợi nhuận chủ yếu đến từ sự cải thiện lợi nhuận thuần tại các công ty thành viên gồm Masan MeatLife (MML; MSN sở hữu 94,3% cổ phần, chưa khuyến nghị), WinCommerce (WCM; doanh nghiệp tư nhân/chưa niêm yết, MSN sở hữu 85,4% cổ phần) và Masan High Tech Materials (MHT).

Tính chung nửa đầu năm 2025, doanh thu thuần đạt 37.212 tỷ đồng, giảm 5% so với cùng kỳ và đạt 45% dự báo cả năm 2025 của HSC ở mức 82.492 tỷ đồng. Lợi nhuận thuần đạt 1.426 tỷ đồng, tăng mạnh 135% so với cùng kỳ, tương ứng đạt 57% dự báo lợi nhuận năm 2025 của HSC là 2.498 tỷ đồng.

MCH: Lợi nhuận giảm 25% so với cùng kỳ, thấp hơn dự báo

Trong Q2/2025, doanh thu thuần và lợi nhuận thuần của MCH giảm lần lượt 15% và 25% so với cùng kỳ xuống 6.276 tỷ đồng và 1.326 tỷ đồng. Lợi nhuận thuần thấp hơn 17% so với dự báo của HSC ở mức 1.600 tỷ đồng. KQKD yếu chủ yếu do ảnh hưởng từ việc tái cấu trúc kênh bán lẻ, khi quy định mới về thuế kinh doanh hộ cá thể gây gián đoạn mạnh đến kênh bán hàng truyền thống vốn đóng góp khoảng 83% doanh thu của MCH. Điều này dẫn đến làn sóng

Bản gốc bằng tiếng Anh của báo cáo này được phát hành vào ngày 29/7.

(Xem tiếp trang 2)

Bảng 1: KQKD hợp nhất Q2/2025, MSN

Tỷ đồng	Q2/24	Q2/25	% sv cùng kỳ	6T24	6T25	% sv cùng kỳ
Doanh thu thuần	20,134	18,315	-9%	38,989	37,212	-5%
Lợi nhuận gộp	5,918	5,689	-4%	11,173	11,884	6%
Lỗ tài chính	(1,404)	(1,021)	-27%	(2,729)	(2,326)	-15%
Chi phí BH&QL	(4,613)	(4,285)	-7%	(9,164)	(8,845)	-3%
Lợi nhuận từ các công ty LD, LK	1,273	1,241	-3%	2,522	2,431	-4%
LN TT	1,169	1,846	58%	1,802	3,069	70%
LNST	946	1,619	25%	1,424	2,602	83%
Lợi ích của cổ đông thiểu số	443	587	8%	808	1,177	46%
Lợi nhuận thuần	503	1,032	39%	607	1,426	135%

Nguồn: MSN

giảm tồn kho diện rộng ở cả nhà bán lẻ lớn và nhỏ, với số ngày tồn kho giảm tương ứng khoảng 8 ngày và 3 ngày.

Tỷ suất lợi nhuận HĐKD được duy trì khá ổn định ở mức 22%, trong khi lợi nhuận tài chính giảm 63% so với cùng kỳ xuống 138 tỷ đồng, do ảnh hưởng từ khoản chi trả cổ tức lớn trị giá 23 nghìn tỷ đồng trong cùng kỳ năm ngoái.

WCM: Doanh thu vượt dự báo, lợi nhuận thấp hơn dự báo

Doanh thu thuần của WCM trong Q2/2025 tăng tích cực 16% so với cùng kỳ đạt 9.130 tỷ đồng, nhờ doanh thu cửa hàng cũ tăng 7% và số lượng cửa hàng chuỗi minimart tăng 14%. Trong Q2/2025, WCM đã mở mới 174 cửa hàng, nâng tổng số cửa hàng mở mới trong nửa đầu năm 2025 lên 318 cửa hàng – tốc độ mở rộng vượt kỳ vọng của HSC là 400 cửa hàng cho cả năm 2025.

Tỷ suất EBITDA cải thiện 124 điểm cơ bản so với cùng kỳ lên 3,4%, nhờ tăng trưởng doanh thu cửa hàng cũ mạnh và hiệu quả HĐKD được nâng cao. Tuy nhiên, tỷ suất này vẫn thấp hơn mức 4,1% trong Q1/2025, có thể do ảnh hưởng từ tốc độ mở rộng hệ thống quá nhanh.

Theo đó, lợi nhuận thuần đạt 10 tỷ đồng, cải thiện đáng kể so với lỗ 149 tỷ đồng trong Q2/2024, nhưng vẫn thấp hơn dự báo của HSC là 83 tỷ đồng.

Dù tỷ suất lợi nhuận thuần trong Q2/2025 còn khá khiêm tốn ở mức 0,1%, BLĐ kỳ vọng tỷ suất lợi nhuận thuần cả năm sẽ đạt 1%, nhờ cơ cấu doanh thu cải thiện đáng kể trong nửa cuối năm.

MML: Khoản lợi nhuận không thường xuyên hỗ trợ phục hồi, vượt dự báo

Trong Q2/2025, MML ghi nhận doanh thu thuần đạt 2.340 tỷ đồng, tăng 31% so với cùng kỳ và 13% so với quý trước, nhờ tăng trưởng mạnh tại cả hai mảng: mảng thịt tăng 20% và mảng chăn nuôi tăng 66% so với cùng kỳ. Kết quả này được hỗ trợ bởi giá heo hơi tăng, mạng lưới điểm bán mở rộng nhờ hệ thống minimart của WCM, cùng với kết quả tích cực từ mảng thịt chế biến.

Nhờ doanh thu cải thiện đáng kể và khoản lợi nhuận tài chính không thường xuyên 196 tỷ đồng từ việc đàm phán lại hợp đồng mua bán heo hơi dài hạn với một nhà cung cấp, MML ghi nhận lợi nhuận thuần 243 tỷ đồng trong Q2/2025 – đánh dấu sự phục hồi mạnh mẽ so với khoản lỗ 31 tỷ đồng trong Q2/2024, đồng thời cao gấp đôi dự báo của HSC ở mức 120 tỷ đồng.

MHT: Lợi nhuận nhỏ 6 tỷ đồng, vượt dự báo

Dù doanh thu thuần của MHT trong Q2/2025 giảm 56% so với cùng kỳ xuống 1.614 tỷ đồng, công ty vẫn ghi nhận lợi nhuận thuần nhỏ là 6 tỷ đồng – đánh dấu sự cải thiện đáng kể sau 8 quý liên tiếp thua lỗ. Kết quả tích cực này đến từ việc thoái hợp nhất công ty con H.C. Starck tại Đức vào tháng 12/2024, giá các mặt hàng chính như vonfram, fluorspar và đồng tăng mạnh, cùng với việc tinh gọn chi phí HĐKD.

Nợ thuần tăng 7% so với đầu năm và 3% so với quý trước, sát dự báo

Tính đến ngày 30/6, tổng nợ hợp nhất của MSN là 61.101 tỷ đồng, giảm 7% so với đầu năm và đi ngang so với quý trước. Trong khi đó, nợ thuần tăng 7% so với đầu năm và 3% so với quý trước lên 49.722 tỷ đồng. Các số liệu này phù hợp với dự báo của HSC.

Xem xét lại khuyến nghị và giá mục tiêu

Sau khi giá cổ phiếu tăng 24% trong 3 tháng qua, MSN đang giao dịch với P/E trượt dự phòng 1 năm là 30,7 lần, thấp hơn 0,7 độ lệch chuẩn so với bình quân từ năm 2020 ở mức 75,1 lần. HSC đang xem xét lại khuyến nghị và giá mục tiêu.

Bảng 2: Cơ cấu doanh thu, MSN

Tỷ đồng	Q2/24	Q2/25	% so với cùng kỳ	6T24	6T25	% so với cùng kỳ
MCH	7,387	6,276	-15%	13,968	13,765	-1%
WCM	7,844	9,130	16%	9,114	17,915	97%
MHT	3,652	1,614	-56%	1,641	3,007	83%
MML	1,790	2,340	31%	2,333	4,410	89%
PLH*	391	434	11%	474	858	81%

*Ghi chú: PLH = Phúc Long Heritage (MSN sở hữu 85% cổ phần).
Nguồn: MSN*

BCTC và chỉ số tài chính chủ chốt

Báo cáo KQ HKKD (tỷ đồng)	12-23A	12-24A	12-25F	12-26F	12-27F
Doanh thu	78,252	83,178	82,494	92,409	101,671
Lợi nhuận gộp	22,121	24,656	26,848	30,293	33,527
Chi phí BH&QL	(17,942)	(18,482)	(20,073)	(22,368)	(24,545)
Thu nhập khác	-	-	-	-	-
Chi phí khác	-	-	-	-	-
EBIT	4,179	6,173	6,774	7,925	8,982
Lãi vay thuần	(7,357)	(6,189)	(5,693)	(5,636)	(5,642)
Lãi/lỗ trong Cty LD,LK	3,896	4,444	5,129	6,187	7,350
Lợi nhuận khác	-	-	-	-	-
LN không thường xuyên	1,845	1,597	672	586	644
LNTT	2,563	6,025	6,882	9,062	11,334
Chi phí thuế TNDN	(693)	(1,752)	(1,757)	(2,053)	(1,805)
Lợi ích cổ đông thiểu số	(1,451)	(2,273)	(2,626)	(3,105)	(3,576)
LNST không thường xuyên	-	-	-	-	-
Lợi nhuận thuần	419	1,999	2,498	3,904	5,952
Lợi nhuận thuần ĐC	419	1,999	2,498	3,904	5,952
EBITDA ĐC	8,185	10,306	10,535	11,975	13,229
EPS (đồng)	294	1,345	1,651	2,581	3,934
EPS ĐC (đồng)	294	1,345	1,651	2,581	3,934
DPS (đồng)	-	-	-	-	-
Sig CP bình quân (triệu đv)	1,426	1,487	1,513	1,513	1,513
Sig CP cuối kỳ (triệu đv)	1,426	1,513	1,513	1,513	1,513
Sig CP pha loãng cuối kỳ (triệu đv)	1,426	1,513	1,513	1,513	1,513

Bảng cân đối kế toán (tỷ đồng)	12-23A	12-24A	12-25F	12-26F	12-27F
Tiền & tương đương tiền	10,125	18,618	12,366	13,555	15,719
Đầu tư ngắn hạn	6,795	608	404	404	404
Phải thu khách hàng	11,985	21,865	23,651	23,638	23,626
Hàng tồn kho	13,175	10,787	10,715	12,003	13,206
Các tài sản ngắn hạn khác	1,684	1,692	1,682	1,672	1,662
Tổng tài sản ngắn hạn	43,763	53,570	48,818	51,273	54,618
TSCĐ hữu hình	30,469	27,121	26,968	27,876	28,664
TSCĐ vô hình	12,106	9,706	8,889	8,270	7,651
Bất động sản đầu tư	709	4.17	3.23	2.30	1.37
Đầu tư dài hạn	2,938	1,909	1,809	1,809	1,809
Đầu tư vào Cty LD,LK	30,282	33,410	37,493	42,634	48,938
Tài sản dài hạn khác	27,117	21,865	22,976	23,151	23,271
Tổng tài sản dài hạn	103,620	94,015	98,138	103,742	110,335
Tổng cộng tài sản	147,383	147,585	146,957	155,015	164,953
Nợ ngắn hạn	28,030	26,724	21,827	22,031	19,287
Phải trả người bán	6,318	7,171	6,819	7,612	8,350
Nợ ngắn hạn khác	14,109	23,602	22,382	22,955	23,516
Tổng nợ ngắn hạn	50,423	58,712	52,334	54,038	52,737
Nợ dài hạn	41,542	38,825	38,974	38,319	40,029
Thuế TNDN hoãn lại phải trả	3,406	2,476	2,149	2,149	2,149
Nợ dài hạn khác	8,250	6,331	7,133	7,133	7,133
Tổng nợ dài hạn	53,198	47,632	48,255	47,600	49,310
Tổng nợ phải trả	109,146	106,832	101,079	102,128	102,538
Vốn chủ sở hữu	26,560	30,242	32,741	36,645	42,597
Lợi ích cổ đông thiểu số	11,678	10,510	13,137	16,242	19,818
Tổng vốn chủ sở hữu	38,237	40,752	45,878	52,887	62,415
Tổng nợ phải trả và VCSH	147,383	147,585	146,957	155,015	164,953
BVPS (đ)	18,625	19,989	21,641	24,221	28,155
Nợ thuần*/(tiền mặt)	59,448	46,931	48,434	46,795	43,597

Báo cáo LCTT (tỷ đồng)	12-23A	12-24A	12-25F	12-26F	12-27F
EBIT	4,179	6,173	6,774	7,925	8,982
Khấu hao	(4,007)	(4,133)	(3,761)	(4,051)	(4,247)
Lãi vay thuần	(7,357)	(6,189)	(5,693)	(5,636)	(5,642)
Thuế TNDN đã nộp	(816)	(1,408)	(1,757)	(2,053)	(1,805)
Thay đổi vốn lưu động	631	6,519	(570)	206	236
Khác	(143)	298	(10,171)	(12,372)	(13,656)
LCT thuần từ HKKD	500	9,525	(7,656)	(7,880)	(7,639)
Đầu tư TS dài hạn	(2,229)	(3,099)	(2,595)	(3,185)	(3,131)
Góp vốn & đầu tư	(11.8)	(6,557)	0	0	0
Thanh lý	-	-	-	-	-
Khác	-	-	-	-	-
LCT thuần từ HĐĐT	-	-	0	0	-
Cổ tức trả cho CSH	(244)	(1,721)	0	0	0
Thu từ phát hành CP	71.1	6,412	0	0	0
Tăng/giảm nợ	3,734	4,995	(4,749)	(450)	(1,034)
Khác	(15.3)	(14.1)	6,940	10,504	11,641
LCT thuần từ HĐTC	3,546	9,672	2,191	10,054	10,607
Tiền & tương đương tiền đầu kì	13,853	10,125	18,618	12,366	13,555
LCT thuần trong kỳ	-	-	-	-	-
Ảnh hưởng của tỷ giá	48.4	(10.1)	0	0	0
Tiền & tương đương tiền cuối kì	-	-	-	-	-
Dòng tiền tự do	(1,728)	6,426	(10,251)	(11,065)	(10,770)

Các chỉ số tài chính	12-23A	12-24A	12-25F	12-26F	12-27F
Chỉ số hoạt động					
Tỷ suất LN gộp (%)	28.3	29.6	32.5	32.8	33.0
Tỷ suất EBITDA ĐC (%)	10.5	12.4	12.8	13.0	13.0
Tỷ suất LNT (%)	0.54	2.40	3.03	4.22	5.85
Thuế TNDN hiện hành (%)	27.0	29.1	25.5	22.7	15.9
Tăng trưởng doanh thu (%)	2.71	6.30	(0.82)	12.0	10.0
Tăng trưởng EBITDA ĐC (%)	(9.81)	25.9	2.22	13.7	10.5
Tăng trưởng LNT ĐC (%)	(88.3)	377	25.0	56.3	52.5
Tăng trưởng EPS (%)	(88.3)	358	22.8	56.3	52.5
Tăng trưởng EPS ĐC (%)	(88.3)	358	22.8	56.3	52.5
Tăng trưởng DPS (%)	-	-	-	-	-
Tỷ lệ LN thuần trả CT (%)	-	-	-	-	-
Chỉ số lợi nhuận					
ROAE (%)	1.59	7.04	7.93	11.3	15.0
ROACE (%)	4.83	6.64	7.38	8.10	8.43
Vòng quay tài sản (lần)	0.54	0.56	0.56	0.61	0.64
Tiềm mặt HD/EBIT (lần)	0.12	1.54	(1.13)	(0.99)	(0.85)
Số ngày tồn kho	85.7	67.3	70.3	70.5	70.7
Số ngày phải thu	77.9	136	155	139	127
Số ngày phải trả	41.1	44.7	44.7	44.7	44.7
Cơ cấu vốn					
Nợ thuần*/VCSH (%)	227	156	149	128	103
Nợ/tài sản (%)	47.8	44.5	41.5	39.1	36.1
EBIT/lãi vay (lần)	0.57	1.00	1.19	1.41	1.59
Nợ/EBITDA (lần)	8.60	6.38	5.79	5.06	4.50
Chỉ số TT hiện thời (lần)	0.87	0.91	0.93	0.95	1.04
Định giá					
EV/doanh thu (lần)	2.17	1.98	2.01	1.78	1.58
EV/EBITDA ĐC (lần)	20.8	15.9	15.7	13.7	12.2
P/E (lần)	264	57.7	47.0	30.1	19.7
P/E ĐC (lần)	264	57.7	47.0	30.1	19.7
P/B (lần)	4.17	3.88	3.59	3.20	2.76
Lợi suất cổ tức (%)	-	-	-	-	-

Ghi chú: *Không bao gồm các khoản Đầu tư ngắn hạn.
 Nguồn: Công ty, HSC ước tính

Tuyên bố miễn trách

Bản quyền thuộc về CTCP Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (HSC) 2021.

Báo cáo này được HSC hoặc một trong các chi nhánh viết và phát hành để phân phối tại Việt Nam và nước ngoài; phục vụ cho các nhà đầu tư tổ chức chuyên nghiệp là khách hàng của HSC và đồng ý nhận các sản phẩm nghiên cứu phân tích dành cho khách hàng tổ chức của HSC. Nếu quý độc giả không thuộc đối tượng nhà đầu tư nói trên, báo cáo này sẽ không nhằm phục vụ quý độc giả và quý độc giả không nên đọc hoặc dựa vào nội dung báo cáo này.

Báo cáo nghiên cứu này được viết với mục tiêu duy nhất là cung cấp những thông tin khái quát đến nhà đầu tư tổ chức. Báo cáo này không nhằm tới những mục tiêu đầu tư cụ thể, tình trạng tài chính cụ thể hay nhu cầu cụ thể của bất kỳ người nào nhận được hoặc đọc báo cáo này. Nhà đầu tư phải có quyết định của riêng mình dựa trên tình hình tài chính và mục tiêu đầu tư cụ thể của mình. Các thông tin cũng như ý kiến trong báo cáo không mang tính chất mời chào mua hay bán bất cứ chứng khoán, quyền chọn, hợp đồng tương lai hay công cụ phái sinh nào tại bất kỳ lãnh thổ có quyền tài phán nào. Đồng thời, các thông tin cũng như ý kiến trong báo cáo cũng không nhằm mục đích quảng cáo cho bất cứ công cụ tài chính nào.

Ý kiến, dự báo và ước tính chỉ thể hiện quan điểm của người viết tại thời điểm phát hành, không được xem là quan điểm của HSC và có thể thay đổi mà không cần thông báo. HSC có thể đưa ra khuyến nghị hoặc nhận định khác đối với các đối tượng nhà đầu tư không đồng ý với nội dung của báo cáo này. HSC không có nghĩa vụ phải cập nhật, sửa đổi báo cáo này dưới mọi hình thức cũng như thông báo với người đọc trong trường hợp các quan điểm, dự báo và ước tính trong báo cáo này thay đổi hoặc trở nên không chính xác. Thông tin trong báo cáo này được thu thập từ nhiều nguồn khác nhau và chúng tôi không đảm bảo về sự hoàn chỉnh cũng như độ chính xác của thông tin.

HSC có thể sử dụng các nghiên cứu trong báo cáo này cho hoạt động mua bán chứng khoán tự doanh hoặc mua bán chứng khoán cho các quỹ mà HSC đang quản lý. HSC có thể giao dịch cho chính công ty theo những gợi ý về giao dịch ngắn hạn của các chuyên gia phân tích trong báo cáo này và cũng có thể tham gia vào các giao dịch chứng khoán trái ngược với ý kiến tư vấn và quan điểm thể hiện trong báo cáo này. Nhân viên của HSC có thể có lợi ích tài chính ở những chứng khoán được đề cập trong báo cáo này hoặc các công cụ có liên quan. HSC có thể có nghiệp vụ ngân hàng đầu tư hoặc tìm kiếm mối quan hệ hợp tác kinh doanh với những công ty được đề cập đến trong báo cáo này.

Nhà đầu tư phải lưu ý rằng giá và khối lượng giao dịch của các công cụ tài chính luôn biến động, có thể lên hoặc xuống. Những diễn biến trong quá khứ, nếu có, không hàm ý cho những kết quả tương lai.

Báo cáo này là tài sản của HSC và không được công bố rộng rãi ra công chúng, vì vậy không ai được phép sao chép, tái sản xuất, phát hành cũng như tái phân phối bất kỳ nội dung nào của báo cáo hay toàn bộ báo cáo vì bất kỳ mục đích nào nếu không có văn bản chấp thuận của HSC. Mọi cá nhân, tổ chức sẽ chịu trách nhiệm đối với HSC về bất kỳ tổn thất hoặc thiệt hại nào mà HSC hoặc khách hàng của HSC phải chịu do bất kỳ hành vi vi phạm theo Tuyên bố miễn trách này và theo quy định của pháp luật.

Giải thích các mức đánh giá cổ phiếu dành cho khách hàng tổ chức

Mua vào: Kỳ vọng tăng giá trên 20% trong khoảng thời gian 12 tháng
Tăng tỷ trọng: Kỳ vọng tăng giá từ 5% đến 20% trong khoảng thời gian 12 tháng
Nắm giữ: Kỳ vọng tăng giá hoặc giảm giá dưới 5% trong khoảng thời gian 12 tháng
Giảm tỷ trọng: Kỳ vọng giảm giá từ 5% đến 20% trong khoảng thời gian 12 tháng
Bán ra: Kỳ vọng giảm giá trên 20% trong khoảng thời gian 12 tháng



CÔNG TY CHỨNG KHOÁN TỐT NHẤT VÀ ĐỘI NGŨ PHÂN TÍCH HÀNG ĐẦU VIỆT NAM
Được trao bởi Finance Asia, Asiamoney, Institutional Investor & Thomson Reuters

TRỤ SỞ CHÍNH

Tầng 5 & 6, Tòa nhà AB
76 Lê Lai, Quận 1, TPHCM
T: (+84 28) 3823 3299
F: (+84 28) 3823 3301

CHI NHÁNH HÀ NỘI

Tầng 2, Tòa nhà Cornerstone
16 Phan Chu Trinh, Quận Hoàn Kiếm
T: (+84 24) 3933 4693
F: (+84 24) 3933 4822

E: info@hsc.com.vn W: www.hsc.com.vn